

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2022/HSST
Ngày: 14/9/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị L.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến
Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố T tham gia phiên toà: Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 289/2022/TLST-HS ngày 23/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022, đối với các bị cáo:

Phạm Văn H, Sinh năm: 1994 tại Thanh Hóa; Là đảng viên; Nơi cư trú: SN 25/56 Y, phường Q, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Phạm Văn L, sinh năm: 1962 ; Con bà: Đỗ Thị L1, SN: 1966; Gia đình có 3 chị em, H là con thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1996, có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. “Có mặt tại phiên tòa”

Vũ Văn G, Sinh năm: 1991 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 4, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Vũ Văn B, sinh năm: 1953 ; Con bà: Nguyễn Thị H2, SN: 1956; Gia đình có 3 anh em, G là con thứ 3; Vợ: Ngô Thị V, sinh năm: 1990, có 02 con lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. “Có mặt tại phiên tòa”

Bị hại: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh Qu – Chức vụ: Tổng giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Quốc H – Chỉ huy Trờng. “Vắng mặt”.

Địa chỉ: Số 60 Tr, phường N, Thành phố T, Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Trọng L, sinh năm: 1982. “Vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Đỗ Kim Tr, sinh năm: 1970. “Vắng mặt”

Địa chỉ: Khu phố Á, phường Đ1, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1989. “Vắng mặt”

Địa chỉ: Lô 91,92,93 D, P.Đ, Thành phố T, Thanh Hóa.

Người làm chứng: Anh Trần Công C, sinh năm: 1993. “Vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn 1, phường Qu, TP S tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H là nhân viên lái xe của Công ty xây dựng môi Trường T, Thành phố T thường ra vào công Trường xây dựng dự án Vinhomes Star City phường Đông H, Thành phố T để nhập vật liệu xây dựng cho các nhà thầu của Công ty CP Đầu tư xây dựng Đ nên H biết Vũ Văn G được giao nhiệm vụ làm thủ kho vật tư H1 của Công ty Đ. Khoảng 17 giờ ngày 31/3/2022 H điều khiển xe ô tô tải BKS 36C-331.42 chở vật liệu xây dựng đến nhập cho nhà thầu HACC 105 thuộc kho H1 của Công ty Đ. Sau khi nhập vật liệu xong H gọi điện cho G nên được biết G đang được điều động tạm thời sang kho M cũng thuộc Công ty Đ để xuất vật tư đi Hà Nội, G chỉ được điều động tạm thời sang để quản lý việc kiểm đếm việc cầu vật tư lên xe của Công ty để chuyển đi Hà Nội chứ không quản lý tài sản trong kho vì G không được bàn giao tài sản cụ thể. Sau đó H đã sang bên kho M để gặp G, H thấy G đang chỉ đạo công nhân cầu vật tư, nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền ăn tiêu. H đã hỏi G có lấy được vật tư không? Hiểu ý H, G trả lời: “Đưa được vật tư ra khỏi công Trờng thì làm thôi”. Cả H và G đều biết muốn vận chuyển được vật tư ra khỏi công Trờng cần phải có giấy xác nhận của Ban quản lý công Trường, Chỉ huy công Trường và tổ Trờng tổ bảo vệ công Trường nên H gọi điện cho anh Lê Trọng L là tổ Trờng Tổ bảo vệ công Trường đưa ra thông tin gian dối bằng cách giới thiệu bản thân là anh Thanh và nói: “Em là Thanh bên nhà thầu Đ, có mấy thanh sắt hộp để trong xe ô tô BKS 36C-33142 đem về làm lán cho công nhân, anh hỗ trợ qua cổng, mai em bổ sung giấy tờ sau”, Lúc này anh L không có mặt ở chốt bảo vệ và biết rõ anh Thanh là chỉ huy Trờng của nhà thầu Công ty Đ. Để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu vận chuyển vật tư ngoài giờ, anh L tin tưởng người điện cho mình là anh Thanh nên đồng ý và liền gọi điện cho anh Đỗ Kim Tr đang làm nhiệm vụ trực gác tại khu M, thuộc công Trường Vinhomes nói: “có chiếc xe tải BKS 36C-33142 là xe của Công ty Đ chở vật tư ra ngoài, thì cho qua cổng, mai

họ bổ sung giấy tờ sau”. Được anh L đồng ý cho xe chở vật tư ra khỏi cổng thì H nói lại với G sẽ đưa được vật tư ra khỏi cổng mà không cần có giấy tờ xác nhận. G ngầm hiểu H đã có hành vi gian dối để nhằm mục đích chở được vật tư ra ngoài đi bán lấy tiền chia nhau nên lúc này có anh Trần Công C đang cầu vật tư chuyển đi Hà Nội, G nói anh C cầu lên xe H giàn giáo, thanh giằng và cầu đầy xe, còn G đi làm việc chỗ khác. Anh C đồng ý, quay sang cầu giúp số vật tư lên xe cho H được 06 bó giàn giáo, 400 thanh chống nệm đều bằng kim loại và 11 thanh thép hộp thì đầy xe, sau đó anh C đi về kho H1 làm việc còn H điều khiển xe chở số Giàn giáo này ra ngoài để tiêu thụ, khi ra đến cổng bảo vệ H nói với anh Tr: “Cháu gọi cho anh L rồi, mai cháu gửi giấy sau” anh Tr tin tưởng vì đã được anh L gọi điện Tróc nên cho xe đi qua mà không kiểm tra giấy tờ. H điều khiển xe ô tô đến khu vực chợ Nam Ngạn, Thành phố T (nơi tập kết xe của Công ty Môi Trường Trồng Thi) để nguyên vật tư trên xe rồi đi về nhà. Sáng hôm sau G gọi điện cho H thông báo là đã bị phát hiện, H cùng G tự giác chở toàn bộ số giàn giáo lấy được đến giao nộp cho Cơ quan công an phường Đông H, Thành phố T và khai nhận hành vi phạm tội.

Anh Ngô Quốc H người được ủy quyền báo cáo tài sản kho M của Công ty Đ gồm: 06 bó giàn giáo gồm có 1.323 thanh giằng bằng kim loại kích thước dài 1m; 400 thanh chống nệm bằng kim loại và 11 thanh thép hộp mỗi thanh dài 3 đều đã qua sử dụng, tổng giá trị tài sản còn khoảng 39.309.500 đồng.

Ngày 17/5/2022 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Thành phố T đã định giá tổng số tài sản trên có tổng giá trị là 37.092.590 đ (ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm chín mươi đồng)

Về vật chứng: 01 USB có chứa 02 đoạn video nội dung ghi nhận hình ảnh xe ô tô của H chở vật tư khu vực kho M đi qua cổng Công ty do anh Lê Trọng L cung cấp.

Đối với chiếc xe ô tô BKS 36C- 33142 H dùng để chở tài sản chiếm đoạt. Quá trình điều tra chiếc xe này H đã bán cho chị Nguyễn Thị Nh vào ngày 31/12/2021 (Trước thời điểm phạm tội 03 tháng) nhưng chưa sang tên, nên H thuê lại xe để đi làm thêm. Việc H dùng xe để chở tài sản do phạm tội mà có Chị Nh không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe mà đã trả chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Nh.

Về dân sự: Ngày 02/6/2022 Cơ quan điều tra Công an Thành phố T đã trả lại toàn bộ tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt cho Công ty Đ. Người đại diện theo ủy quyền là anh Ngô Quốc H đã nhận đủ tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm gì và Đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với anh Lê Trọng L- tổ Trồng tổ bảo vệ: là người đã gọi điện cho anh Tr (trực bảo vệ) cho xe của H đi qua cổng. Anh L nhằm tưởng người gọi điện là anh Thanh – Chỉ huy Trồng chứ không biết là H nên mới gọi điện cho anh Tr – trực bảo vệ cho xe của H đi qua rồi sẽ bổ sung giấy tờ sau. Anh L không biết việc phạm tội của H và G nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với anh Đỗ Kim Tr- là người trực bảo vệ cho xe của H chở vật tư đi qua. Anh Tr đã được anh L (tổ Trồng) gọi điện là cho xe của H đi qua, sẽ bổ sung giấy

tờ sau nên anh Tr mới cho xe của H chở vật tư đi qua mà không kiểm tra giấy tờ. Anh Tr không biết việc phạm tội của H và G nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với anh Trần Công C là người đã cầu giàn giáo lên xe cho H theo chỉ đạo của G. Anh C không biết hành vi phạm tội của H và G nên không có cơ sở để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 235/CT-VKS ngày 20 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T truy tố bị cáo Phạm Văn H và Vũ Văn G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng; Bị cáo Vũ Văn G từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

- Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, Lời nói sau cùng đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra và các vật chứng thu được trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ và cơ sở để kết luận:

Vào ngày 31/3/2022 tại kho M của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đ. Phạm Văn H và Vũ Văn G đã dùng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin bằng cách dùng lời nói gian dối làm cho anh Lê Trọng L và Đỗ Kim Tr – là các bảo vệ của Công ty Đ tin tưởng cho H điều khiển xe ô tô chở vật tư qua cổng bảo vệ để chiếm đoạt tài sản gồm 06 bó giàn ráo, 400 thanh chống nệm và 11 thanh thép hộp tổng giá trị tài sản là 37.092.590 đồng, đem ra ngoài bán chia nhau tiêu xài cá nhân. Nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện.

Hành vi của các bị cáo H và G phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Xuất phát từ nhu cầu tiêu xài cá nhân và ý thức coi thường pháp luật, Phạm Văn H và Vũ Văn G đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của Công ty CP đầu tư xây dựng Đ các tài sản tổng giá trị là 37.092.590 đồng. Hành vi của các bị cáo không những nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét vị trí, vai trò đồng phạm: Các bị cáo phạm tội thuộc Trường hợp đồng phạm giản đơn bởi các bị cáo đều cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự bàn bạc trước. Tuy nhiên bị cáo H là người khởi xướng, trực tiếp trao đổi với bị cáo G để chở vật tư ra ngoài để tiêu thụ, còn bị cáo G là đồng phạm giúp sức cùng bị cáo H để thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo H cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo G.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc Trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo H từng tham gia quân đội, được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến và bố bị cáo được tặng Huy hiệu xăng dầu; Bị cáo G tích cực ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid 19, có bố là bệnh binh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

Xét thấy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo H, G có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nghề nghiệp không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 174 BLHS

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên công nhận phần dân sự giữa các bị cáo và bị hại đã được giải quyết xong.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với 01 USB có chứa 02 đoạn video nội dung ghi nhận hình ảnh xe ô tô của H chở vật tư khu vực kho M đi qua cổng Công ty do anh Lê Trọng L cung cấp là chứng cứ của vụ án nên lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Mỗi Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTW Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H và Vũ Văn G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn H 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Vũ Văn G 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho UBND phường Q, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Văn G cho UBND xã M, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn H và Vũ Văn G

Trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự giữa các bị cáo với bị hại đã giải quyết xong

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Thành phố T;
- Công an Thành phố T;
- Thi hành án HS, DS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị L